

GIÁO DỤC QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CHO SINH VIÊN GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP

Trần Văn Trung

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. Ngày nay, việc giáo dục quyền sở hữu trí tuệ cho sinh viên trở thành nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo ở các trường đại học. Ở các nước Đông Nam Á (như Singapoge, Thái Lan, Malaixia), các trường đại học quốc gia đều tổ chức giảng dạy về sở hữu trí tuệ trong đào tạo cử nhân, sau đại học và các khóa đào tạo chuyên ngành. Ở nước ta hiện nay, việc giảng dạy quyền sở hữu trí tuệ mang lại nhiều lợi ích, giúp sinh viên nhận thức cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ, trau dồi kỹ năng cơ bản trong tự học, tự nghiên cứu, xây dựng thái độ, hành vi đúng đắn trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Từ khóa: *sở hữu trí tuệ, sinh viên, giáo dục*

*

1. Khái niệm chung về quyền sở hữu trí tuệ

Khái niệm “sở hữu trí tuệ” hay “tài sản trí tuệ” (intellectual property) có từ đầu thế kỷ XX và dùng để chỉ các sản phẩm trí tuệ. Sự xuất hiện cũng như tồn tại của tài sản trí tuệ bắt nguồn từ lao động sáng tạo của con người. Do những giá trị, lợi ích chúng đem lại mà pháp luật thừa nhận chúng là tài sản. Khái niệm tài sản phải hiểu theo nghĩa rộng hơn: tài sản ở đây không nhất thiết phải là một “vật có thực” cụ thể, nhận biết được bằng giác quan con người mà tài sản có thể là những “tư tưởng”, sự sáng tạo, những phát minh, là những giá trị tài sản không biểu hiện dưới hình thức vật thể và giác quan của con người không thể nhận biết được.

Dựa trên khái niệm về sở hữu trí tuệ, ta có thể định nghĩa khái quát về quyền sở hữu

trí tuệ (intellectual property right) là quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ của con người. Với ý nghĩa này, thuật ngữ quyền sở hữu trí tuệ là một phạm trù khoa học pháp lý nhằm khẳng định quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt các đối tượng thuộc sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Từ đó, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa về quyền sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

2. Việc giáo dục quyền sở hữu trí tuệ trên thế giới

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là việc luật pháp bảo đảm các điều kiện để chủ sở hữu tài sản trí tuệ có quyền thực thi các quyền của mình, đồng thời ngăn chặn, xử lý mọi

hành vi sử dụng quyền nói trên do người thứ ba thực hiện mà không được phép của chủ sở hữu. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là lĩnh vực hoạt động có lịch sử hình thành và phát triển tương đối lâu đời.

Trên thế giới, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được chú trọng từ thế kỉ XV. Năm 1474, Luật Venice, thường được nhắc đến như là sự tiếp cận đầu tiên có tính hệ thống về các qui tắc bảo hộ quyền sáng chế, một độc quyền cá nhân mà khi thực hiện sẽ làm hạn chế đến quyền của công chúng. Cuộc cách mạng công nghiệp trong thế kỷ XVIII, cùng với sự phát triển không ngừng của công nghiệp in ấn đã dẫn đến công cuộc công nghiệp hóa có qui mô lớn dựa trên ý tưởng về công nghiệp hóa. Sự phát triển trên đã dẫn đến việc nhiều nước thiết lập hệ thống pháp luật hiện đại đầu tiên về bằng độc quyền sáng chế và quyền tác giả. [theo Kamil Idris].

Quá trình toàn cầu hóa cùng với sự giao lưu văn hóa mạnh mẽ giữa các quốc gia đã đặt ra yêu cầu bảo hộ mang tính quốc tế đối với sáng chế và các tác phẩm văn học nghệ thuật. Sự ra đời của Công ước Paris năm 1883 về bảo hộ sở hữu công nghiệp. Công ước Berne ra đời năm 1886 về bảo hộ tác phẩm văn học nghệ thuật. Công ước Stockholm về Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới năm 1967. Năm 1991, Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới. Năm 1994, Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS).

Giáo dục quyền sở hữu trí tuệ trên thế giới cũng đang gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Mark Cohen, tùy viên về sở hữu trí tuệ của Đại sứ Mỹ tại Bắc Kinh, cho biết: Trung Quốc và Mỹ đang đối mặt với những khó

khăn rất lớn khi giáo dục thế hệ trẻ tân thành quan điểm đúng đắn về quyền sở hữu trí tuệ. Hiện nay, có hơn 50% sinh viên các trường đại học ở Trung Quốc dùng các sản phẩm vi phạm bản quyền tác giả vì lí do về giá cả. Giới trẻ giờ đây không sẵn sàng dùng tiền mua các sản phẩm có sở hữu trí tuệ, họ sẽ được lợi rất nhiều nếu họ có được sự hiểu biết đúng đắn về sở hữu trí tuệ. Ông cho rằng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ có thể có tác dụng truyền đạt tới sinh viên các trường đại học thông qua những ví dụ sinh động thực tế, những hoạt động cụ thể thay vì chỉ học qua bài giảng.

Giáo dục quyền sở hữu trí tuệ ở các nước phát triển có truyền thống lâu đời với nhiều cấp độ và hình thức khác nhau. Tùy thuộc vào từng cơ sở giáo dục mà việc giảng dạy, đào tạo về sở hữu trí tuệ có thể chỉ dừng lại ở mức là một môn học. Số lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo về số sinh viên theo học cũng khác nhau ở từng nước. Hầu hết các trường đại học của các nước phát triển đều có môn học sở hữu trí tuệ trong chương trình một cách độc lập hoặc lồng ghép với các môn học chuyên ngành có liên quan như “Chính sách đổi mới trong doanh nghiệp”, “Sáng tạo với sự phát triển của xã hội”, “Hoạt động nghiên cứu và triển khai”, “Chuyển giao công nghệ”...

Việc giáo dục về sở hữu trí tuệ cho sinh viên các trường đại học của các nước ASEAN đã được triển khai tương đối rộng và bắt đầu đi vào chiều sâu, như các nước Singapore, Thái Lan, Malaixia. Các trường đại học lớn như: Nanyang, Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore đều có các khóa đào tạo về sở hữu trí tuệ, gồm các khóa đào tạo dành cho cử nhân, các khóa sau đại học và các khóa đào tạo chuyên ngành.

3. Giáo dục về sở hữu trí tuệ cho sinh viên có ý nghĩa rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập

Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới ngày 7 tháng 11 năm 2006. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần có một chiến lược trong đào tạo để tận dụng những lợi thế và giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn cầu và ở Việt Nam. Với vai trò là một trong ba trụ cột của thương mại quốc tế hiện đại, sở hữu trí tuệ đòi hỏi không chỉ sự nhận thức chung chung, mà là một hoạt động với tính chuyên nghiệp ngày càng tăng và phạm vi ngày càng mở rộng đối với hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự gia tăng vai trò của sở hữu trí tuệ và các hoạt động chuyên nghiệp có liên quan đòi hỏi một đội ngũ cán bộ chuyên môn hiểu biết về sở hữu trí tuệ. Đội ngũ cán bộ này bao gồm: các cán bộ được đào tạo chuyên ngành về sở hữu trí tuệ; các cán bộ được đào tạo các chuyên ngành khác nhau và được trang bị những kiến thức sở hữu trí tuệ cần thiết, hỗ trợ cho hoạt động chuyên ngành của mình.

Hiện nay việc nâng cao nhận thức của sinh viên về sở hữu trí tuệ là rất cần thiết.

Sinh viên là những cán bộ khoa học trong tương lai, những người thực hiện hoạt động sáng tạo nên không thể thiếu những kiến thức về sở hữu trí tuệ. Sinh viên cần có một cách tiếp cận rõ ràng không chỉ đối với việc tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của người khác, mà cần tích cực hơn dưới góc độ mình có thể sử dụng, khai thác gì từ việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Có như vậy, những cán bộ khoa học tương lai mới có thể khai thác được thế mạnh của khoa học, làm chủ được công nghệ phục vụ đất nước. Nhận thức rõ về vai trò của vấn đề sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển của đất nước, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đã xác định một cách cụ thể và rõ ràng những nội dung của chính sách về sở hữu trí tuệ bao gồm: chính sách của Nhà nước về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu đối với giống cây trồng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Căn cứ những nội dung của Luật Sở hữu trí tuệ, tháng 5/2011, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 126 giảng viên, cán bộ quản lý và 349 sinh viên đang học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Kết quả như sau:

Bảng 1: Nhận biết về vai trò của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

STT	Vai trò của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Tỉ lệ %				Điểm TB
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	
1	Tạo động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ	48.42	36.10	14.04	1.44	3.3152
2	Bảo vệ quyền lợi cho những nhà sản xuất	37.24	31.81	27.51	3.44	3.0287
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và văn hóa của đất nước	28.08	53.58	15.47	2.87	3.0688
4	Tạo điều kiện thuận lợi để thương mại quốc tế	32.67	44.69	18.34	4.30	3.0573
5	Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc	24.92	41.84	26.64	6.60	2.8510
6	Tạo ra giá trị to lớn từ những nhãn hiệu, kiểu dáng độc quyền	20.34	37.24	27.22	15.20	2.6275

Bảng 2: Nhận thức về vai trò của Luật Sở hữu trí tuệ đối với sinh viên

STT	Nội dung nhận thức	Tỉ lệ %				Điểm TB
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	
1	Giúp sinh viên nhận thức cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ	47.55	39.25	13.20	0	3.3438
2	Giúp sinh viên có những kĩ năng cơ bản để nghiên cứu khoa học, làm bài tập thực hành	18.34	63.33	17.76	0.57	2.9943
3	Rèn luyện kĩ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên	33.00	45.00	20.90	1.10	3.0974
4	Biết cách tìm thông tin, dữ liệu trên mạng internet	26.07	48.99	20.64	4.30	2.9685
5	Giúp sinh viên có thái độ đúng đắn để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ	41.55	53.86	4.59	0	3.3696
6	Giúp sinh viên có những hành vi đúng đắn để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ	37.53	46.14	15.76	0.57	3.2063
7	Thực hiện nghiêm túc qui chế thi, kiểm tra.	26.36	56.16	12.33	5.15	3.0372
8	Nội dung khác	5.15	24.93	46.13	23.79	2.1146

Việc triển khai những nội dung này vào cuộc sống trước tiên phải thông qua hoạt động giáo dục và đào tạo với vai trò là cỗ máy cái để phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Cách thức triển khai này đảm bảo thành công do việc phát triển các hoạt động giáo dục, đào tạo về sở hữu trí tuệ một cách khoa học, có cơ sở, có hệ thống. Sở hữu trí tuệ là một vấn đề phức tạp nên thực tế cần phát triển, trước tiên là các hoạt động giảng dạy về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học. Xuất phát từ nhận thức này, các nội dung giảng dạy về sở hữu trí tuệ đã trở thành một bộ phận cấu thành, không thể tách rời của chính sách quốc gia về sở hữu trí tuệ. Cụ thể: “Ưu tiên đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan làm công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kĩ thuật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” (khoản 4, Điều 8, Luật Sở hữu trí tuệ 2005).

Những nội dung giáo dục về sở hữu trí tuệ đã được cụ thể hóa trong các Nghị định của Chính phủ. Việc cụ thể hóa các qui định đối với việc giảng dạy và đào tạo về sở hữu trí tuệ được thực hiện trên tất cả các lĩnh

vực của quyền sở hữu trí tuệ và đều dựa trên nguyên tắc ưu tiên phát triển.

Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan khẳng định yêu cầu đưa các nội dung quyền tác giả và quyền liên quan sở hữu trí tuệ vào toàn bộ hệ thống giáo dục và đào tạo của Việt Nam. Bên cạnh việc “Tăng cường giáo dục kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan trong hệ thống trường học các cấp”, Điều 5 của Nghị định này chỉ rõ: “Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin đưa nội dung giảng dạy về quyền tác giả, quyền liên quan vào chương trình giáo dục đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp”. Đây chính là cơ sở pháp lí cho việc triển khai hoạt động giảng dạy về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học. Ở đây việc đưa hay không đưa vào chương trình đào tạo không còn là câu hỏi nữa. Ngược lại, đây là nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức có liên quan, mà trước tiên là Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cũng như của các trường

đại học. Việc chậm trễ triển khai sẽ là sự vi phạm pháp luật một cách có chủ ý, nhưng quan trọng hơn, việc chậm trễ này sẽ làm giảm năng lực của Việt Nam để đáp ứng việc hội nhập quốc tế và phát triển đất nước một cách chủ động và thành công.

*

THE EDUCATION OF INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS FOR STUDENTS TO ENHANCE THE TRAINING QUALITY IN UNIVERSITIES IN THE PERIOD OF INTEGRATION

Tran Van Trung

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

Intellectual property rights are rights of organizations and individuals over their intellectual properties, including copyright, and copyright related rights, industrial possession rights and plant rights. Nowadays, the education of intellectual property rights for students has become an important content in the training programs in universities. The national universities in Southeast Asian countries (such as Singapore, Thailand, Malaysia) have teaching programs in intellectual property rights in undergraduate, graduate, postgraduate education and other specialized courses. In our country, nowadays, the education of intellectual property rights brings a lot of benefits, and helps students be basically aware of the intellectual property rights, practice basic skills in self-study, self-research, building appropriate attitude and behaviors in protecting the intellectual property rights.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luật Sở hữu trí tuệ (2008), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Shahid Alikhan (2007), *Lợi ích kinh tế-xã hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển*, NXB Bản đồ.
- [3]. Kamil Idris (2001), *Cẩm nang sở hữu trí tuệ: chính sách, pháp luật và áp dụng*, Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Văn bản pháp qui về sở hữu trí tuệ*, tài liệu hội thảo-tập huấn, Hà Nội.
- [5]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2007), *Giáo trình Giáo dục học, tập 2*, NXB Đại học Sư phạm.
- [6]. Trần Lê Hồng (2006), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của trường đại học*, tài liệu hội thảo về hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
- [7]. Trần Văn Trung (5/2011), “Điều tra tình hình hiểu biết Luật Sở hữu trí tuệ của sinh viên Trường Đại học Sư phạm khu vực miền Đông Nam Bộ”, *đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*, mã số: SPHN-10-570NCS.
- [8]. Carsten Fink and Keith E.Muskus (2005), *Intellectual property and development: lessons from recent economic research*, Oxf. Univ. Pr.